| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ B**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **326**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023
V/v *"Tranh chấp ly hôn, con chung"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Nhàn
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/Ông Huỳnh Phi Hổ
2/Bà Nguyễn Thị Kim Chi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1184/2023/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 755/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/08/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn**: Bà La Thị Kim T, sinh năm 1994
Thường trú: tổ 10, ấp 5, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai
**- Bị đơn**: Ông Nguyễn Tâm Đ, sinh năm 1994
Thường trú: thôn 4, Vân Trình, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình;
Tạm trú: Tổ 1, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
*(Tại phiên toà, bà Thoa có đơn xin vắng mặt; ông Đức vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*- Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai; biên bản hòa giải và lời khai tại phiên toà nguyên đơn bà La Thị Kim Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Tâm Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống. Hiện bà và ông Đ đã

sống ly thân khoảng 1 năm nay. Mặc dù bản thân bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng cho đến nay vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được mà ngày càng trở nên trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Đ để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/4/2018. Ly hôn bà xin được trực chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nhi, do cháu Nhi do bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc gần khoảng 1 năm nay, hiện cháu N đang sinh sống cùng bà. Về công việc: bà làm công nhân mức thu nhập khoảng 8 triệu.

Tạm thời, bà không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn ông Nguyễn Tâm Đ trình bày tại các bản tự khai; Biên bản hòa giải như sau;*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà La Thị Kim T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở cả hai tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Hiện 02 ông và bà T đã ly thân được khoảng 1 năm nay. Xét thấy, hôn nhân không hạnh phúc nên bà T xin ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/4/2018. Ly hôn, ông xin được là người trực tiếp nuôi con chung, hiện cháu N ở cùng bà T được khoảng 1 năm nay. Công việc của ông hiện là tài xế mức thu nhập 20 triệu đồng nên ông có đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xet, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xet, giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà La Thị Kim T.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/4/2018 cho bà Thoa chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông Đ không phải cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Th chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà La Thị Kim T nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Tâm Đ; có địa chỉ tại Tổ 1, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Và đang sinh sống tại đây. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về tư cách đương sự: Bà La Thị Kim Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tâm Đ; bà xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/4/2018; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, con chung". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà La Thị Kim T là nguyên đơn còn ông Nguyễn Tâm Đ là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Bà La Thị Kim T có đơn xin vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho ông Nguyễn Tâm Đ, nhưng ông Nguyễn Tâm Đ vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thị Kim T và ông Nguyễn Tâm Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào năm 2017 theo quy định tại Điều 9; Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, theo bà T trình bày chỉ hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông Đ ham chơi không quan tâm, chăm lo cho vợ con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng trong quá trình chung sống; vợ chồng bà T và ông Đ chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân với nhau điều này đều được bà T và ông Đ thừa nhận, quá trình làm việc tại Tòa án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải cho cả hai vợ chồng nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn, cho thấy bà T không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này, bà T xin ly hôn thì ông Đ cũng đồng ý.

Do đó, mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn ông Đ.

[3]. Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/4/2018. Ly hôn bà T xin được trực chăm sóc nuôi dưỡng cháu N. Ông Đ cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu N. Hội đồng xét xử, xét thấy về điều kiện khả năng nuôi con thì bà T và ông Đ đều có công việc, có thu nhập để nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, bé N là bé gái, hơn nữa hiện đang được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc hơn 01 năm nay, để đảm bảo cho bé phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần thì giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Tạm thời, ông Đ không ai phải cấp dưỡng cho con do bà T không yêu cầu.

Ông Đ được đảm bảo quyền thăm non con; không ai được cản trở ông/bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung; Các đương sự không có yêu cầu, nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà La Thị Kim T phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0007653 ngày 12/05/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B.

[6]. Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68; Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 266; Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Kim T. Bà La Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Tâm Đ.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/4/2018 cho bà La Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, ông Nguyễn Tâm Đ không phải cấp dưỡng cho con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông Đ xác định không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Các đương đều xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà La Thị Kim T phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0007653 ngày 12/05/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà La Thị Kim T, ông Nguyễn Tâm Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

**Nguyễn Trần Nhàn**

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đồng Thị Hồng**

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**
**TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 21/09/2020,
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
**Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hoà
Bà Nguyễn Thị Nhạn

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1596/2020/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn và con chung" giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Tân Mai 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Tuyên Vũ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 24, tổ 4, Quốc lộ 51, khu phố Tân Mai 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

*(Tại phiên tòa bà Linh, ông Vũ đều có mặt).*

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng; thẩm quyền xét xử và tư cách tham gia tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà:

+ Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Tuyên Vũ; giải quyết về quan hệ con chung. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn và con chung". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Linh là nguyên đơn còn ông Vũ là bị đơn trong vụ án.

+ Ông Lê Tuyên Vũ có địa chỉ cư trú hiện nay tại số: Tổ 4, Quốc lộ 51, khu phố Tân Mai 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Ý kiến của Hội thẩm Nhạn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hoà

- THẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về yêu cầu khởi kiện:

- Ý kiến của Hội thẩm Nhạn:

+ Về quan hệ hôn nhân: phía nguyên đơn và bị đơn thì cả hai đều thừa nhận đã cùng nhau sinh sống nhiều năm cũng như việc hiện nay giữa hai vợ chồng đang có mâu thuẫn xảy ra, điều này phù hợp với nội dung xác minh mâu thuẫn tại chính quyền địa phương nơi cả hai sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ngày hôm nay, mặc dù ông Vũ khai mâu thuẫn vợ chồng không lớn, không đáng để phải ly hôn. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chia sẻ với nhau trong

cuộc sống từ rất nhiều mặt; nhưng khi Toà án hoà giải trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà thì bà Linh nhất quyết không chịu hàn gắn, một mực muốn ly hôn vì theo bà tình cảm vợ chồng giữa bà với ông Vũ không còn, cả hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Còn bản thân ông Vũ cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng ông hiện đã xa cách, sống ly thân mỗi người một nơi đã gần 6 tháng, thời gian ông giành cho vợ con cũng không được nhiều và chu đáo, ông không muốn ly hôn nhưng lại không đưa ra được biện pháp nào để cứu vãn hạnh phúc gia đình. Cả hai gần như không thể nói chuyện được với nhau. Như vậy, xét thấy việc duy trì tiếp tục cuộc hôn nhân của bà Linh và ông Vũ là không cần thiết bởi mục đích hôn nhân giữa hai người đã không đạt được, tiếng nói chung không còn nghỉ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Linh, cho bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh được ly hôn với ông Lê Tuyên Vũ.

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Nhạn.
- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND
- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

+ Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: cháu Lê Minh Trí, sinh ngày 22/7/2019 được ông Vũ và bà Linh xác định là con chung của cả hai vợ chồng. Tại phiên toà, ông Vũ yêu cầu được giành quyền nuôi con. Tuy nhiên, do cháu Trí còn quá nhỏ, cần sự yêu thương, chăm sóc từ mẹ. Hơn nữa, cháu Trí hiện đang do bà Linh trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ, điều này cũng được ông Vũ thừa nhận nên HĐXX quyết định giao cháu Trí cho bà Linh trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Vũ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Linh không yêu cầu
- Ý kiến của Hội thẩm Nhạn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hoà.
- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND
- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Nhạn: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Nhạn
- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND
- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về nợ chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Nhạn: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Nhạn
- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND
- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Hội thẩm Nhạn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hoà.

- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh và ông Lê Tuyên Vũ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ý kiến của Hội thẩm Nhạn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hoà.

- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về nội dung tuyên xử:

Ý kiến hội Thẩm Nhạn:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh được ly hôn với ông Lê Tuyên Vũ.

Về con chung: Giao Lê Minh Trí, sinh ngày 22/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Tuyên Vũ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông Lê Tuyên Vũ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh phải chịu 300.000đ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh và ông Lê Tuyên Vũ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Nhạn.

- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 25 phút ngày 21 tháng 09 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;

- UBND xã (phường);
- Lưu.

**Đồng Thị Hồng**